TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** *Độc lập – Tự do – Hạnh phúc* ----------

Bản án số:**508/2026/HNGĐ-ST**
Ngày: **29/05/2026**
V/v: Xin ly hôn giữa chị Vũ Thị M và anh Triệu Văn Đ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Tự Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Thái và bà Lê Thị Thu Hạnh

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên- Cán bộ Toà án nhân dân khu vực 11- Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Cường - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 05 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11- Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 470/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2026/QĐXX ngày 24/04/2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 149/2026/QĐ- HPT ngày 12/05/2026, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Chị Vũ Thị M**, sinh năm 1981

Nơi thường trú tại: Xóm C, thôn T, xã T, huyện T, TP. Hà Nội nay là phường T, TP. Hà Nội.

Trú tại: Số X ngõ Y đường K, phường K, TP. Hà Nội

(Chị M vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

* **Bị đơn: Anh Triệu Văn Đ**, sinh năm 1972

Nơi thường trú tại vả trú tại: Xóm C, thôn T, xã T, huyện T, TP. Hà Nội nay là phường T, TP. Hà Nội.

(Anh Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn xin ly hôn và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn là chị Vũ Thị M trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 19/09/2003 tại UBND xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, TP Hà Nội. Trước khi kết hôn chưa ai có vợ, có chồng.

Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống tại xóm Chùa, thôn Triều Khúc, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, Hà Nội nay là phường Thanh Liệt, Hà Nội. Quá trình chung sống chúng tôi không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do cuộc sống chúng tôi không thấu hiểu nhau, tôi thường xuyên bị anh Đ đánh mắng. Đến tháng 10/2025, tôi đã chuyển đến sinh sống tại số X ngõ Y đường K, phường K, TP. Hà Nội cho đến nay. Vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, việc ai người nấy làm

Nay tôi xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc, tôi không còn tình cảm với anh Đ, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn ông Đồng.

- Về con chung: Tôi và anh Đ có 02 con chung là Triệu Thu T, sinh ngày 17/09/2004 và Triệu Văn N, sinh ngày 26/08/2007. Các con chung đều đã trưởng thành nên tôi không có yêu cầu gì.

- Về tài sản chung, **về nhà đất chung**: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Chúng tôi không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn là anh Triệu Văn Đ trình bày:***

- Về tình cảm: Về thời gian điều kiện kết hôn, nơi chung sống của vợ chồng tôi đúng như chị M trình bày.

Quá trình chung sống, tôi thấy vợ chồng có hay cãi vã do khác biệt về quan điểm sống và cách sống. Thỉnh thoảng chị M có đi chơi đến 11 giờ đêm mới về. Tôi cảm thấy không được chị M tôn trọng, những lúc tôi nóng giận chị M không nhịn mà còn đổ thêm dầu vào lửa nên tôi có tát chị M. Khoảng 03 tháng nay chị M có bỏ đi không quan tâm đến bố con tôi.

Nay chị M xin ly hôn, tại buổi làm việc trước tôi cũng đồng ý ly hôn nhưng sau khi trao đổi với các con thì cháu Nam xin bố mẹ không ly hôn vì cháu muốn có đầy đủ bố mẹ, nghĩ thương con nên tôi thay đổi ý kiến không đồng ý ly hôn. Tôi xác định tình cảm với chị M vẫn còn, mâu thuẫn vợ chồng vẫn có thể hàn gắn

được. Tôi đã nhờ bố mẹ hai bên gia đình khuyên chị M quay về đoàn tụ nhưng chị M vẫn chưa đồng ý.

- **Về con chung**: Tôi và chị M có 02 con chung là Triệu Thu T, sinh ngày 17/09/2004 và Triệu Văn N, sinh ngày 26/08/2007. Các con chung đều đã trưởng thành nên tôi không có yêu cầu gì.

- **Về tài sản chung**, **về nhà ở chung**: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Chúng tôi không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà:

- Chị Vũ Thị M vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

- Anh Triệu Văn Đ vắng mặt không có lý do

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau:

- Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định của pháp luật

- Đối với việc chấp hành pháp luật của đương sự:

+ Nguyên đơn chấp hành, đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự

+ Bị đơn không chấp hành đầy đủ, không có mặt, không đưa ra các tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền lợi của mình

* Về nội dung vụ án: Chị M và anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, anh chị chung sống hạnh phúc bình thường khoảng được vài năm đầu tiên thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự cảm thông, chia sẻ với nhau. Anh Đ mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng anh không đưa ra được biện pháp cải thiện quan hệ vợ chồng mà có thái độ chống đối, không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQ - UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

- Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Vũ Thị M. Chị Vũ Thị M được ly hôn anh Triệu Văn Đ

- Về con chung: Xác nhận hai bên có 02 con chung là Triệu Thu T, sinh ngày 17/09/2004 và Triệu Văn N, sinh ngày 26/08/2007.

Chị T và anh N đều đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên không xem xét

- Về tài sản chung, nhà ở chung: Hai bên tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về công nợ: Hai bên xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:**

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Vũ Thị M xin ly hôn anh Triệu Văn Đ, có nơi thường trú và trú tại: Xóm C, thôn T, xã T, huyện T, TP. Hà Nội nay là phường T, TP. Hà Nội. Toà án nhân dân khu vực 11- Hà Nội thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định của pháp luật, bị đơn là anh Triệu Văn Đ đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Đ đều vắng mặt. Ngày 12/05/2026, Toà án đã mở phiên toà lần thứ nhất để xét xử vụ án nhưng anh Đ vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên toà và ấn định xét xử vào ngày 29/05/2026. Tại phiên toà ngày 29/05/2026, anh Đ vẫn vắng mặt không có lý do, xét thấy đây là lần thứ hai anh Đ vắng mặt không có lý do mặc dù đã được tống đạt hợp lệ, đồng thời chị M cũng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt chị M và anh Đ theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Về quan hệ hôn nhân:** Chị Vũ Thị M và anh Triệu Văn Đ được tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn 19/09/2003 tại UBND xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, TP Hà Nội. Đây là một hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị M và anh Đ chung sống hạnh phúc bình thường khoảng vài năm đầu tiên thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự cảm thông chia sẻ những vấn đề trong cuộc sống gia đình. Từ đó trở đi vợ chồng mâu thuân căng thẳng. Đến tháng 10/2025, chị M đã chuyển đến sinh sống tại số X ngõ Y đường K, phường K, TP. Hà Nội. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay

Quá trình giải quyết vụ án, bản thân anh Đ cũng xác định vợ chồng hay cãi vã do khác biệt về quan điểm sống và cách sống, vợ chồng hay có những hiểu lầm do không thấu hiểu nhau và đồng ý ly hôn nhưng sau đó anh Đ không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng hàn gắn mâu thuẫn và đoàn tụ. Tuy nhiên anh Đ đã được Toà án tạo điều kiện để tham gia phiên hoà giải nhưng đều vắng mặt không có lý do cho thấy anh Đ không có mong muốn đoàn tụ với chị M và cũng không đưa ra được các biện pháp hữu hiệu để cải thiện quan hệ vợ chồng. Điều đó thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh Đ là trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người một nơi, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không thể hàn gắn được. Vì vậy Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống chung giữa chị M và anh Đ không có hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị M đối với anh Đ là có căn cứ và phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận

*** Về con chung:** Chị M và anh Đ có 02 con chung là Triệu Thu T, sinh ngày 17/09/2004 và Triệu Văn N, sinh ngày 26/08/2007.

Chị T và anh N đều đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên không xem xét

- Về tài sản chung, nhà ở chung: Hai bên tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về công nợ: Hai bên xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

*** Về án phí:** Chị Vũ Thị M phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Vũ Thị M. Chị Vũ Thị M được ly hôn anh Triệu Văn Đ.

2. Về con chung: Xác nhận hai bên có 02 con chung là Triệu Thu T, sinh ngày 17/09/2004 và Triệu Văn N, sinh ngày 26/08/2007.

Chị T và anh N đều đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên không xem xét

3. Về tài sản chung, nhà ở chung: Hai bên tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về công nợ: Hai bên xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Vũ Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ sơ thẩm đã nộp được trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017991 ngày 28/11/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội
- VKSND khu vực 11- Hà Nội
- Phòng THADS khu vực 11- Hà Nội
- UBND xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, (nay là phường Thanh Liệt) TP. Hà Nội) số 101, quyển số 01 ngày 19/09/2003
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Tự Hiếu